NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: NGỮ VĂN 6

Ôn tập kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6 (SGK Ngữ văn 6 tập 1)

I. Kiến thức trọng tâm:

1. Văn bản:

+ Truyện đồng thoại

+ Thơ

* Yêu cầu nắm được nội dung, các chi tiết nghệ thuật tiêu biểu, ý nghĩa của văn bản, tóm tắt được truyện theo các sự việc chính, thể thơ, vần, nhịp…

2. Tiếng Việt:

Học sinh ôn lại các kiến thức tiếng Việt đã học: Từ và cấu tạo từ tiếng Việt, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ…

* Yêu cầu:

- Nhận biết được các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.
- Nêu vài trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết

3. Tập làm văn: Văn tự sự.

* Yêu cầu:

- Nắm vững thể loại văn tự sự.
- Lập dàn ý và viết bài văn tự sự hoàn chỉnh.

Lưu ý: GV ra các dạng bài tập vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn.

II. Cấu trúc đề kiểm tra: 80% tự luận; 20% trắc nghiệm (8 câu).

III. Một số bài tập tham khảo.

Phần I: Đọc hiểu

Bài tập 1: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÂY ĐA

Làng em có cây đa *Dưới bóng đa, con trâu*
Bên mương nước giữa đồng *Thong thả nhai hương lúa*
Lá xanh dòng nước bạc *Đủng đỉnh đàn bò về*
Biển lúa vàng mênh mông *Lông hồng như đốm lửa*

Cây đa gọi gió đến *Trưa nắng lóe trên đầu*
Cây đa vẫy chim về *Các bác làm nghỉ mát*
Đa mỗi ngày một lớn *Vòm đa rì rào xanh*
Và nuôi thêm nhiều ve *Ve kêu, muôn lá quạt...*

(Trần Đăng Khoa, trích "*Góc sân và khoảng trời*")

a. Xác định thể loại của văn bản trên.

b. Nêu các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

c. Trong khổ thơ đầu, hình ảnh "làng em" hiện lên như thế nào?
d. Chỉ ra các từ láy được tác giả sử dụng trong đoạn trích trên.
e. Hãy giải thích nghĩa của từ "thong thả" trong văn bản.
f. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: "*Lông hồng như đốm lửa*"?
g. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ: "*Cây đa gọi gió đến/ Cây đa vẫy chim về*"?
h. Hình ảnh cây đa trong bài thơ khơi gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?

Bài tập 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Sang năm con lên bảy
Cha đưa con tới trường
Giờ con đang lon ton
Khắp sân trường chạy nhảy
Chỉ mình con nghe thấy
Tiếng muôn loài với con.

Mai rồi con lớn khôn
Chim không còn biết nói
Gió chỉ còn biết thổi
Cây chỉ còn là cây
Đại bàng chẳng về đây
Đậu trên cành khế nữa
Chuyện ngày xưa, ngày xửa
Chỉ là chuyện ngày xưa.

Đi qua thời ấu thơ
Bao điều bay đi mất
Chỉ còn trong đời thật
Tiếng người nói với con
Hạnh phúc khó khăn hơn
Mọi điều con đã thấy
Nhưng là con giành lấy
Từ hai bàn tay con.

(*"Sang năm con lên bảy"*, Vũ Đình Minh)

a. Hãy xác định thể thơ của văn bản trên.
b. Chỉ ra và phân tích tác dụng của từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên?
c. Nêu phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích.
d. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên?
e. Tình cảm của người cha với con qua đoạn trích khơi gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc như thế nào?
f. Qua đoạn thơ, người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn khôn và từ giã thời thơ ấu?

Bài tập 3: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

SỨ GIẢ MÙA XUÂN

Xưa thật là xưa, có bốn nàng tiên làm nữ hoàng của các mùa: Xuân, Hạ, Thu và Đông. Mỗi nàng có một cung điện lộng lẫy trên một ngọn núi cao. Chỉ khi đến mùa, các nàng mới xuất hiện. Năm ấy, không hiểu sao mùa Đông kéo dài lê thê. Cây cối và các con thú run rẩy vì lạnh. Ai cũng mong chờ, lo lắng không hiểu vì sao nàng tiên mùa Xuân trễ hẹn như vậy.

Vì thế, các con vật mở cuộc họp chọn người đi đón nàng tiên mùa Xuân và tìm hiểu nguyên do. Sư Tử tự nhận mình khỏe mạnh, dũng cảm nhất nên giành quyền đi đón nàng tiên mùa Xuân. Nó hăm hở lên đường. Ngày đầu tiên, cậy sức khỏe tốt nên

Sư Tử đi từ sáng đến tối. Càng về sau Sư Tử đuối sức dần, rồi không đi tiếp được bèn quay về.

Thấy Sư Tử bỏ cuộc, Công "điệu đà" lên tiếng chế giễu. Nếu muốn nàng tiên mùa Xuân xuất hiện thì sứ giả phải là con vật xinh đẹp và lộng lẫy như họ nhà Công. Các con vật đồng ý cử chim Công đi thực hiện nhiệm vụ. Chim Công lên đường cùng đoàn tùy tùng, mang theo nhiều quà và hoa đẹp... Thế nhưng đường sá xa xôi, vất vả, cả đoàn dần mệt mỏi rồi bị ốm, hoa và quà tặng phải vứt lại trên đường. Cuối cùng, chim Công đành quay về.

Đến lúc này, muông thú đã sốt ruột lắm rồi. Nếu còn chần chừ sẽ trễ mất mùa Xuân tuyệt vời. Ngay lúc ấy, chim Én ngập ngừng:

- Cháu tuy kém cỏi nhưng cũng xin góp sức để mang mùa Xuân về. Mùa Đông năm nay dài quá, mẹ cháu bị ho ngày một nặng. Nếu không có ánh nắng mùa Xuân, e rằng mẹ cháu không qua khỏi. Cháu sẽ đi tìm mùa xuân. Nghe vậy, muôn loài đồng ý.

Dù đang ốm nhưng hay tin con đi, chim mẹ lén con vặt những chiếc lông dày nhất của mình làm áo chống rét cho con. Chim Én lên đường, nó bay mãi cuối cùng cũng đến cung điện của nàng tiên mùa Xuân. Trước cửa cung điện, chim Én thấy một chú chim vàng óng bị ngất. Nghĩ chú chim bị lạnh, chim Én cởi chiếc áo ấm choàng cho bạn. Chú chim bỗng biến mất và nàng tiên mùa Xuân xuất hiện:

- Con là một cô bé hiếu thảo, nhân hậu và dũng cảm. Năm nay ta chậm đến nhân gian là vì các con vật không ngoan. Chúng không biết yêu thương và giúp đỡ nhau. Nhờ có con ta biết rằng điều tốt đẹp vẫn còn hiện hữu. Ta chọn con làm sứ giả cho ta.

Từ đó, mỗi khi thấy chim én bay liệng trên trời, muôn loài sẽ biết rằng nàng tiên mùa Xuân đang sắp về với nhân gian.

(Dẫn theo *https://truyenngan.com.vn*)

Câu 1. Xác định thể loại, ngôi kể của văn bản trên?

Câu 2. Văn bản có sự xuất hiện của những nhân vật nào?

Câu 3. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu văn *"Vì thế, các con vật mở cuộc họp chọn người đi đón nàng tiên mùa Xuân và tìm hiểu nguyên do."*

Câu 4. Chim Én đã có những hành động việc làm nào đáng khen ngợi? Em học tập được điều gì tốt đẹp ở chim Én?

Câu 5. Xác định từ láy trong đoạn văn sau: "*Xưa thật là xưa, có bốn nàng tiên làm nữ hoàng của các mùa: Xuân, Hạ, Thu và Đông. Mỗi nàng có một cung điện lộng lẫy trên một ngọn núi cao. Chỉ khi đến mùa, các nàng mới xuất hiện. Năm ấy, không hiểu sao mùa Đông kéo dài lê thê. Cây cối và các con thú run rẩy vì lạnh. Ai cũng mong chờ, lo lắng không hiểu vì sao nàng tiên mùa Xuân trễ hẹn như vậy.*"

Câu 6. Hãy giải thích nghĩa của từ "điệu đà". Dấu ngoặc kép trong câu văn *"Thấy Sư Tử bỏ cuộc, Công "điệu đà" lên tiếng chế giễu"* có tác dụng gì?

Câu 7. Hành động chim Én đi tìm mùa Xuân gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì?

Câu 8. Đọc lại đoạn văn sau:

"*Dù đang ốm nhưng hay tin con đi, chim mẹ lén con vặt những chiếc lông dày nhất của mình làm áo chống rét cho con. Chim Én lên đường, nó bay mãi cuối cùng cũng đến cung điện của nàng tiên mùa Xuân. Trước cửa cung điện, chim Én thấy một chú chim vàng óng bị ngất. Nghĩ chú chim bị lạnh, chim Én cởi chiếc áo ấm choàng cho bạn.*"

Trong đoạn văn trên, em cảm phục hành động của nhân vật chim mẹ hay của chim Én? Vì sao?

Bài tập 4: ***Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu sau:***

a. "Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

(Mẹ - Trần Quốc Minh)

b. "Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre anh hùng lao động! Tre anh hùng chiến đấu!"

(Cây tre Việt Nam- Thép Mới)

c. "Thuyền ơi có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền"

(Ca dao)

d. "Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta."

(Ca dao)

Phần II: Tập làm văn

Đề 1: Kể lại một trải nghiệm của em.

Đề 2: Kể lại một chuyến tham quan đáng nhớ của em.

Đề 3: Kể lại một việc làm tốt của em.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6

I. Phân môn Lịch sử

1. Nội dung ôn tập: HS ôn tập các kiến thức trọng tâm sau:

STT	Bài	Yêu cầu cần đạt
1	Lịch sử là gì?	- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Giải thích được vì sao cần phải học môn Lịch sử. - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, hiện vật, chữ viết…).
2	Thời gian trong lịch sử	- Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, âm lịch, dương lịch
3	Nguồn gốc loài người	- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất. - Xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
4	Xã hội nguyên thuỷ	- Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thuỷ. - Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của người nguyên thuỷ. - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.

2. Một số dạng câu hỏi:

Câu 1: Vì sao phải học Lịch sử?

Câu 2: Căn cứ vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?

Câu 3: Có mấy loại lịch?

Câu 4: Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào?

Câu 5: Ý nghĩa của việc chế tạo ra lửa đối với đời sống người nguyên thủy.

Câu 6: Chỉ ra điểm khác nhau giữa người tối cổ và người tinh khôn dựa vào bảng sau:

Đặc điểm	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện		
Dáng đứng		
Thể tích não		
Bộ lông		

Câu 7: Khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên.

Câu 8: Trình bày đời sống tinh thần của người nguyên thủy

Câu 9: Hãy cho biết những ngày lễ quan trọng của Việt Nam: ngày Tết nguyên đán, tết Trung thu, ngày giải phóng miền Nam, ngày Quốc khánh, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương được tính theo loại lịch nào?

Câu 10: Nêu quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.

II. Phân môn Địa lý:

1. Nội dung ôn tập: HS ôn tập các kiến thức trọng tâm sau:

STT	Bài	Yêu cầu cần đạt
1	Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến và tọa độ địa lí	- Khái niệm: kinh tuyến, vĩ tuyến, tọa độ địa lí của một điểm - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa cầu: Kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. - Xác định được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
2	Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng.	- Biết đọc các kí hiệu bản đồ - Biết đọc các chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.
3	Tìm đường đi trên bản đồ	- Biết xác định phương hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
4	Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất	- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.
5	Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả	- Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên. - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của các vật theo chiều kinh tuyến. - So sánh được giờ của hai địa điểm trên thế giới.

2. Một số dạng câu hỏi:

Câu 1. Các vòng tròn song song trên quả Địa Cầu được gọi là gì?

Câu 2. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên quả địa cầu được gọi là gì?

Câu 3. Xích đạo là vĩ tuyến được đánh số?

Câu 4. Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thủ đô Luân-đôn của nước Anh gọi là gì?

Câu 5. Trái Đất đứng ở vị trí thứ mấy trong hệ Mặt Trời (tính từ Mặt Trời trở ra)?

Câu 6. Do Trái Đất có dạng hình cầu nên ánh sáng Mặt Trời sẽ như thế nào?

Câu 7. Trái Đất có dạng hình cầu và tự quay quanh trục nên hiện tượng gì xảy ra?

Câu 8. Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng nào?

Câu 9. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng nào?

Câu 10. Trong quá trình chuyển động quanh Mặt Trời trục của Trái Đất sẽ như thế nào?

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

A. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ
- Bài 2: Yêu thương con người
- Bài 3: Siêng năng, kiên trì

B. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, cách rèn luyện liên quan đến các đơn vị kiến thức.
- Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ thể hiện nội dung kiến thức đã học.
- Làm các bài tập tình huống trong sách giáo khoa, sách bài tập GDCD Lớp 6
- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.

C. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI

Câu 1. Thế nào là tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ?

A. Hài lòng, hãnh diện về các giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra.

B. Che giấu những truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ mình.

C. Chê bai những giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra.

D. Tự ti, xấu hổ về các truyền thống của gia đình, dòng họ mình.

Câu 2. Đâu là một trong số những ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

A. Có thêm kinh nghiệm, động lực. B. Thể hiện tính chuyên quyền, độc đoán

C. Có nhiều tiền bạc và quyền lực. D. Giữ gìn các tập tục mê tín dị đoan.

Câu 3. Học sinh thể hiện sự giữ gìn và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình khi:

A. Tích cực học tập và rèn luyện. B. Tham gia giữ gìn an ninh thôn, xóm.

C. Tìm hiểu truyền thống đánh giặc. D. Tích cực lao động, sản xuất.

Câu 4. "*Quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn hoạn nạn*" là khái niệm của:

A. Tự chủ, tự lập B. Tự nhận thức bản thân.

C. Yêu thương, con người D. siêng năng, kiên trì.

Câu 5. Người có hành vi nào dưới đây là thể hiện lòng yêu thương con người?

A. Nhắn tin ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống dịch bệnh.

B. Chia sẻ tin giả lên mạng xã hội.

C. Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

D. Giúp đỡ tên trộm đánh cắp tài sản.

Câu 6. Hành động nào dưới đây là trái với biểu hiện của yêu thương con người?

A. Quan tâm. B. Thờ ơ. C. Chia sẻ. D. Giúp đỡ.

Câu 7. Câu tục ngữ: *"Nhường cơm, sẻ áo"* nói đến điều gì?

A. Siêng năng, kiên trì B. Đức tính tiết kiệm

C. Tinh thần yêu nước D. Lòng yêu thương con người

Câu 8: Đức tính siêng năng được hiểu là gì?

A. Làm việc tự giác, cần cù, chịu khó thường xuyên của con người

B. Làm những công việc trong trạng thái bị ép buộc, không tự nguyện.

C. Thái độ ỷ lại vào người khác, chỉ làm công việc được giao sẵn.

D. Thái độ làm việc bị động, không tự giác và thường xuyên.

Câu 9: Đâu là việc làm thể hiện tính siêng năng, kiên trì?

A. Khi các bạn trong lớp đến vệ sinh lớp học, Hà xin nghỉ ốm vì sợ mệt.

B. An thường xuyên chơi điện tử trên máy tính.

C. Ngọc luyện nói đều đặn mỗi ngày để chuẩn bị cho cuộc thi thuyết trình sắp tới.

D. Nam quyết tâm làm xong các bài tập Toán trong giờ học Ngữ văn.

Câu 10: Đâu là câu tục ngữ thể hiện tính siêng năng, kiên trì?

A. Có công mài sắt có ngày nên kim

B. Máu chảy ruột mềm

C. Lá lành đùm lá rách

D. Chị ngã, em nâng

Câu 11: Đâu là cách thức để rèn luyện tính siêng năng, kiên trì?

A. Dừng công việc, chuyển hướng mục tiêu khi gặp khó khăn, thách thức.

B. Học tập chuyên cần, chăm chỉ rèn luyện kĩ năng sống, không ngừng hoàn thiện hành vi, thái độ và sự ứng xử trước những khó khăn và thách thức.

C. Thường xuyên đi học muộn và làm việc theo sở thích cá nhân.

D. Cậy nhờ bạn bè, người thân khi gặp hoàn cảnh khó khăn, thử thách.

Câu 12: Em đồng ý với ý kiến nào sau đây về siêng năng, kiên trì?

A. Những bạn có hoàn cảnh khó khăn mới cần siêng năng, kiên trì.

B. Siêng năng, kiên trì không giúp học sinh học giỏi vì cần phải có sự thông minh.

C. Chỉ dọn dẹp góc học tập khi được bố mẹ nhắc nhở.

D. Mọi người đều cần có tính siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động.

Câu 13. Gia đình bạn A là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vì bị ốm nặng nên bạn A chưa thể đến trường. Cô giáo tổ chức để các bạn trong lớp đến nhà thăm hỏi, động viên bạn. Hành động đó thể hiện điều gì?

A. Lòng yêu thương con người.

B. Tinh thần dân tộc

C. Tinh thần yêu nước.

D. Siêng năng, kiên trì

Câu 14. Vào cuối năm học, dòng họ D tổ chức buổi tổng kết công tác khuyến học. Trong buổi tổng kết, dòng họ đã tổ chức trao quà và thư động viên cho các con, cháu đạt kết quả cao trong học tập. Việc làm này thể hiện việc:

A. tạo hình ảnh để con cháu hãnh diện với các dòng họ khác.

B. kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ.

C. phân phát tiền tài trợ của các nhà hảo tâm trong họ.

D. phô trương, hãnh diện cho mọi người trong làng biết.

Câu 15. Trên đường đi học, em thấy bạn cùng trường bị xe hỏng phải dắt bộ, nhưng chỉ còn 15 phút nữa là vào lớp. Vậy trong tình huống này, em sẽ làm gì?

A. Coi như không biết vì không liên quan đến mình.

B. Giúp bạn mang xe đi sửa, sau đó đèo bạn đến trường.

C. Phóng xe thật nhanh đến trường vì nếu không thì sẽ muộn học.

D. Chế giễu, trêu tức bạn.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: TOÁN 6

A. LÝ THUYẾT

- Ôn tập nội dung lý thuyết

+ Chương 1: Số tự nhiên

+ Bài 1, 2 chương 2: Số nguyên

+ Chương 3: Hình học trực quan. Các hình phẳng trong thực tiễn.

B. BÀI TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đâu là cách viết tập hợp số tự nhiên?

A. $\mathbb{N}=0;1;2;3;...$ B. $\mathbb{N}=\{0;1;2;3;...$ C. $\mathbb{N}=\{0;1;2;3\}$ D. $\mathbb{N}=\{0;1;2;3;...\}$

Câu 2: Tập hợp các chữ cái có trong từ "VUI HỌC" là

A. $\{V;U;I;H;O\}$ B. $\{V;U;I;H;O;C\}$ C. $\{V;U;I\}$ D. $\{H;O;C\}$

Câu 3: Tập hợp E các số tự nhiên lớn hơn 7 và nhỏ hơn 12 là

A. $E=\{7;8;9;10;11;12\}$ B. $E=\{8;9;10;11;12\}$

C. $E=\{8;9;10;11\}$ D. $E=\{7;8;9;10;11\}$

Câu 4: Cho tập hợp A là tập các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 7. Cách viết nào sau đây biểu diễn tập hợp A?

A. $A=\{0;1;2;3;4;5;6\}$ B. $A=\{0;1;2;3;4;5;7\}$

C. $A=\{1;2;3;4;5;6;7\}$ D. $A=\{x\in\mathbb{N}\mid x\le 7\}$

Câu 5: Hãy chọn biểu thức sử dụng đúng thứ tự các dấu ngoặc:

A. $100:\{2.[30-(12+7)]\}$ B. $100:[2.(30-\{12+7\})]$

C. $100:(2.\{30-[12+7]\})$ D. $100:(2.[30-\{12+7\}])$

Câu 6: Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức không có dấu ngoặc?

A. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa

B. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$Cộng và trừ

C. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 7: Phép chia $12^8:12^4$ được kết quả dưới dạng lũy thừa gọn nhất là

A. 12^2 B. 12^{12} C. 12^4 D. 1

Câu 8: Kết quả của phép tính $3-3:3+3$ là

A. 3 B. 5 C. 0 D.Kết quả khác

Câu 9: Số tự nhiên x thỏa mãn $2x=102$ là

A. 56. B. 100. C. 51. D. Kết quả khác.

Câu 10. Tổng (hiệu) nào sau đây không chia hết cho 9

A. $135+756$. B. $846+235$. C. $783-234$. D. $738-432$.

Câu 11. Số vừa chia hết cho 2 và 3 là

A. 2019 B. 2020. C. 2021. D. 2022.

Câu 12. Số nào dưới đây là số nguyên tố?

A. 9 B. 12 C. 2 D. 33

Câu 13: Cách phân tích 20 thành thừa số nguyên tố là

A. $20 = 2.10$ B. $20 = 4.5$ C. $20 = 40:2$ D. $20 = 2^2.5$

Câu 14: Trong các số sau đây số nào là $UC(36,6)$?

A. 2 B. 7 C. 8 D. 12

Câu 15: Khẳng định nào sau đây là **sai**?

A. Ước chung của hai hay nhiều số là ước chung của tất cả các số đó

B. Ước chung lớn nhất (ƯCLN) của hai hay nhiều số là số lớn nhất trong tập hợp các ước chung của các số đó.

C. Bội chung nhỏ nhất (BCNN) của hai hay nhiều số là số nhỏ nhất trong tập hợp các bội chung của các số đó.

D. $x \in BC(a,b) \Leftrightarrow x \vdots a$ va x$\vdots$b

Câu 16: Chọn phát biểu **đúng**

A. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.

B. Hình vuông là tứ giác có bốn góc bằng nhau.

C. Hình vuông là tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.

D. Hình vuông là tứ giác có hai cạnh kề bằng nhau.

Câu 17: Khẳng định nào sau đây là **đúng**? Trong hình chữ nhật:

A. Bốn góc bằng nhau và bằng 60^o; B. Hai đường chéo không bằng nhau;

C. Bốn góc bằng nhau và bằng 90^o; D. Hai đường chéo song song với nhau.

Câu 18: Hãy chọn câu **sai**. Cho ABCD là hình chữ nhật có O là giao điểm hai đường chéo. Khi đó

A. $AC = BD$ B. $AB = CD; AD = BC$ C. $AO = OB$ D. $OC > OD$

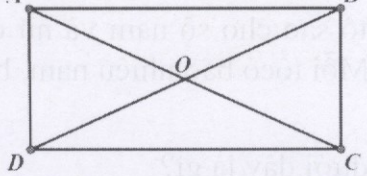

Câu 19: Cho hình vuông có chu vi 28cm. Độ dài cạnh hình vuông là:

A. 4cm B. 7cm C. 14cm D. 8cm

Câu 20: Một tam giác đều có cạnh dài 10cm thì chu vi của tam giác đều đó là

A. $1000cm$ B. $100cm$ C. $30cm$ D. $15cm$

Câu 21. Chọn câu trả lời **đúng**

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài $4km$, chiều rộng $3km$. Diện tích khu đất đó là:

A. $7km^2$ B. $12km^2$ C. $120km^2$ D. $70km^2$

II. LUYỆN TẬP

Bài 1: Viết các tập hợp sau bằng hai cách.

a) Tập A các số tự nhiên không vượt quá 6.

b) Tập B các số tự nhiên lớn hơn 19 và không lớn hơn 26.

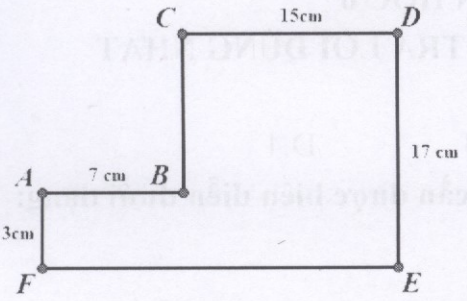

a)

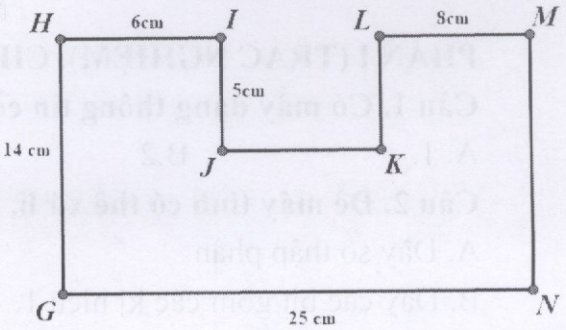

b)

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: TIN HỌC 6

PHẦN I (TRẮC NGHIỆM). CHỌN CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT

Câu 1. Có mấy dạng thông tin cơ bản?

A. 1. B.2 C.3 D.4

Câu 2. Để máy tính có thể xử lí, thông tin cần được biểu diễn dưới dạng:

A. Dãy số thập phân.

B. Dãy các bit gồm các kí hiệu 1.

C. Dãy các bit (dãy nhị phân) gồm hai kí hiệu 0 và 1.

D. Văn bản, hình ảnh, âm thanh.

Câu 3. Thiết bị nào cho em sự di chuyển của con trỏ trên màn hình máy tính:

A. Màn hình B. Chuột C. CPU D. Bàn phím

Câu 4. Hạn chế lớn nhất của máy tính hiện nay là:

A. Khả năng lưu trữ còn hạn chế

B. Kết nối Internet còn chậm

C. Không có khả năng tư duy như con người

D. Không thể lưu trữ những trang nhật kí của em

Câu 5. Hoạt động thông tin bao gồm việc:

A. Tiếp nhận và xử lí các thông tin về thế giới xung quanh.

B. Tiếp nhận, xử lí, lưu trữ và truyền (trao đổi) thông tin.

C. Lưu trữ các chương trình và dữ liệu.

D. Trao đổi thông tin với máy tính.

Câu 6. 1 byte bằng ?

A. 8 bit B. 10240 KB C. 10 bit D. 10000 MG

Câu 7. Trên bàn phím có hai phím có gai là:

A. F và J B. F và S C. J và H D. S và D

Câu 8. Các khối chức năng chính trong cấu trúc chung của máy tính điện tử theo Von Neuman gồm có:

A. Bộ nhớ; Bàn phím; Màn hình;

B. Bộ xử lí trung tâm; Thiết bị vào/ ra; Bộ nhớ;

C. Bộ xử lí trung tâm; Bàn phím và chuột;

D. Bộ xử lí trung tâm; Loa; Máy in;

Câu 9. Trình tự của quá trình ba bước là:

A. Nhập → Xuất → Xử lí B. Xử lí → Xuất → Nhập

C. Xuất → Nhập → Xử lí D. Nhập → Xử lí → Xuất

Câu 10. Người ta chia phần mềm thành hai loại chính:

A. Phần mềm giải trí và phần mềm làm việc.

B. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng.

C. Phần mềm của hãng Microsoft và phần mềm của hãng IBM.

D. Phần mềm soạn thảo văn bản và phần mềm quản lí cơ sở dữ liệu.

Câu 11. Bộ phận nào dưới đây được gọi là "bộ não" của máy tính?

A. Bộ lưu điện (UPS) B. Bộ nhớ trong (RAM)

C. Bộ nhớ chỉ đọc (ROM) D. Bộ xử lí trung tâm (CPU)

Câu 12. Chương trình máy tính là:

A. Tập hợp các cú pháp khác nhau.

B. Tập hợp các phím chức năng.

C. Tập hợp các câu lệnh, mỗi câu lệnh hướng dẫn một thao tác cụ thể cần thực hiện.

D. Tập hợp các thao tác sử dụng khác nhau.

Câu 13. Thiết bị nhập thông tin thông dụng là:

A. Bàn phím, chuột. B. Bàn phím, màn hình.

C. Màn hình, máy in. D. Chuột, máy in

Câu 14. Thiết bị nào sau đây <u>không phải</u> là thiết bị lưu trữ dữ liệu?

A. USB B. Đĩa cứng C. Đĩa mềm D. Loa

Câu 15. Thành phần quan trọng của bộ nhớ trong là:

A. Ram B. Máy in C. Loa D. Màn hình

Câu 16. Các thiết bị như đĩa cứng, đĩa mềm, thiết bị nhớ flash, đĩa CD,... còn được gọi là:

A. Bộ nhớ trong B. RAM C. Bộ nhớ ngoài D. Các phương án đều sai.

Câu 17. Đơn vị chính dùng để đo dung lượng nhớ là:

A. Bit B. KB C. Byte D. MB;

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1. Thông tin là gì? Có mấy dạng thông tin cơ bản? Đó là những dạng nào?

Câu 2. Cấu trúc chung của máy tính điện tử theo Von Neumann gồm các khối chức năng nào? Bộ phận nào được coi là bộ não của máy tính? Tại sao?

Câu 3. Kể tên một số thiết bị dùng để nhập dữ liệu vào máy tính, xuất dữ liệu ra máy tính và lưu trữ dữ liệu trên máy tính.

Câu 4. Hãy nêu một số khả năng của máy tính hiện nay?

Câu 5. Hãy nêu mô hình quá trình ba bước và cho ví dụ cụ thể trong thực tế cuộc sống.

<u>Ví dụ cụ thể trong thực tế cuộc sống:</u>

Pha trà mời khách: Trà, nước sôi **(INPUT)**; cho nước sôi vào ấm đã bỏ sẵn trà, đợi một lúc rồi rót ra cốc **(Xử lí)**; cốc trà mời khách **(OUTPUT).**

Giặt quần áo: Quần áo bẩn, xà phòng, nước **(INPUT);** vò quần áo bẩn với xà phòng và giũ bằng nhiều lần **(Xử lí)**; quần áo sạch **(OUTPUT).**

Câu 6. Phần mềm là gì? Phân loại phần mềm. Mỗi loại, cho ví dụ.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

I/ LÝ THUYẾT:

1/ Khoa học tự nhiên là gì? Nêu vai trò của khoa học tự nhiên.

2/ Nêu các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên.

3/ Thế nào là vật sống? Thế nào là vật không sống?

4/ An toàn trong phòng thực hành:

a) Các quy định an toàn trong phòng thực hành.

b) Nhận ra và nêu được ý nghĩa của các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành (11 kí hiệu trong SGK – Tr12)

5/ Hãy nêu quy trình đo. Giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của dụng cụ đo là gì?

6/ Nêu cấu tạo và cách sử dụng : kính lúp; kính hiển vi quang học.

7/ Nêu đơn vị, dụng cụ, các bước đo: độ dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.

8/ a) Nêu một số tính chất của oxygen

b) Nêu vai trò của oxygen đối với sự sống và sự cháy.

9/ Trình bày thành phần của không khí ? Nêu vai trò của không khí trong tự nhiên.

10/ Nhiên liệu là gì? Nhiên liệu được phân loại như thế nào? (Mỗi loại lấy 2 ví dụ).

11/ Hãy trình bày:

a) Lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả.

b) Một số biện pháp sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả.

II/ BÀI TẬP:

1. Ôn các bài tập trong SGK (Cả dạng trắc nghiệm và tự luận)

2. Một vài bài tập tham khảo

*** Trắc nghiệm:**

Câu 1: Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?

A. Các sự vật hiện tượng tự nhiên.

B. Các quy luật tự nhiên.

C. Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 2: Hoạt động nào sau đây không được xem là nghiên cứu khoa học tự nhiên?

A. Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của động vật.

B. Nghiên cứu sự lên xuống của thuỷ triều.

C. Nghiên cứu sự khác nhau giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá Trung Quốc.

D. Nghiên cứu cách thức sản xuất phân bón hoá học.

Câu 3: Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. đêximét (dm). B. mét (m). C. Centimét (cm). D. milimét (mm).

Câu 4: Giới hạn đo của một thước là

A. Chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

B. Chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. Chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước.

D. Chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

Câu 5: Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:

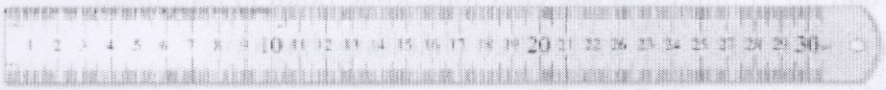

A. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

B. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.

C. Giới hạn đo là 30 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

D. Giới hạn đo là 3 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

Câu 6: Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. tấn. B. miligam. C. kilôgam. D. gam.

Câu 7: Trên vỏ một hộp bánh có ghi 500g, con số này có ý nghĩa gì?

A. Khối lượng bánh trong hộp. B. Khối lượng cả bánh trong hộp và vỏ hộp.

C. Sức nặng của hộp bánh. D.Thể tích của hộp bánh.

Câu 8: Có 20 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 2 lạng đường nữa. Khối lượng của 20 túi đường khi đó là bao nhiêu?

A. 24 kg. B. 20 kg 10 lạng. C. 22kg. D. 20 kg 20 lạng.

Câu 9: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. tuần. B. ngày. C. giây. D. giờ.

Câu 10: Khi đo nhiều lần thời gian chuyển động của một viên bi trên mặt phẳng nghiêng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

A. Giá trị của lần đo cuối cùng.

B. Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.

C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.

D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.

Câu 11: Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để

A. lựa chọn đồng hồ đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.

C. đọc kết quả đo chính xác. D. hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

Câu 12: Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:

(1) Đặt mắt nhìn đúng cách.

(2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.

(3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.

(4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.

(5) Thực hiện phép đo thời gian.

Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:

A. (1), (2), (3), (4), (5). B. (3), (2), (5), 4), (1).

C. (2), (3),(5), (1), (4). D.(2),(1), 3), (5) (4).

Câu 13: Nguyên nhân nào sau đây gây ra sai số khi đo thời gian của một hoạt động?

A. Không hiệu chỉnh đồng hồ. B. Đặt mắt nhìn lệch.

C. Đọc kết quả chậm. D. Cả 3 nguyên nhân trên.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Chất lỏng co lại khi lạnh đi.

B. Độ dãn nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là như nhau.

C. Khi nhiệt độ thay đổi thì thể tích chất lỏng thay đổi.

D. Chất lỏng nở ra khi nóng lên.

Câu 15: Nhiệt kế thủy ngân không thể đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?

A. Nhiệt độ của nước đá. B. Nhiệt độ cơ thể người.

C. Nhiệt độ khí quyển. D. Nhiệt độ của một lò luyện kim.

Câu 16: Dung nói rằng, khi sử dụng nhiệt kế thủy ngân phải chú ý bốn điểm sau. Dung đã nói sai ở điểm nào?

A. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của nhiệt kế.

B. Không cắm vào bầu nhiệt kế khi đo nhiệt độ,

C. Hiệu chỉnh về vạch số 0.

D. Cho bầu nhiệt kế tiếp xúc với vật cần đo nhiệt độ.

Câu 17: Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

A. vật thế nhân tạo đẹp hơn vật thế tự nhiên.

B. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.

C. vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

D. vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vặt thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.

Câu 18: Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể vô sinh và vật thể hữu sinh là:

A. vật thế vô sinh không xuất phát từ cơ thể sống, vật thể hữu sinh xuất phát từ cơ thể sống.

B. vật thể vô sinh không có các đặc điểm như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, sinh sản, cảm nghĩ, còn vật thể hữu sinh có các đặc điểm trên.

C. vật thể vô sinh là vật thể đã chết, vật thể hữu sinh là vật thể còn sống.

D. vật thể vô sinh là vật thế không có khả năng sinh sản, vật thể hữu sinh luôn luôn sinh sản.

Câu 19: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hoá học?

A. Hoà tan đường vào nước.

B. Cô cạn nước đường thành đường.

C. Đun nóng đường tới lúc xuất hiện chất màu đen.

D. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng.

Câu 20: Oxygen có tính chất nào sau đây?

A. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, không duy trì sự cháy.

B. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

C. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nhẹ hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

D. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

Câu 21: Để phân biệt 2 chất khí là oxygen và carbon dioxide, em nên lựa chọn cách nào dưới đây?

A. Quan sát màu sắc của 2 khí đó.

B. Ngửi mùi của 2 khí đó.

C. Oxygen duy trì sự sống và sự cháy.

D. Dẫn từng khí vào cây nến đang cháy, khí nào làm nến cháy tiếp thì đó là oxygen, khí làm tắt nến là carbon dioxide.

Câu 22: Người ta phải bơm sục khí oxygen vào bể nuôi cá cảnh là vì:

A. Oxygen nặng hơn không khí. B. Oxygen không màu, không mùi, không vị.

C. Oxygen tan ít trong nước. D. Oxygen duy trì sự cháy.

Câu 23: Khi một can xăng do bất cẩn bị bốc cháy thì chọn giải pháp chữa cháy nào được cho dưới đây phù hợp nhất?

A. Phun nước. B. Dùng cát đổ trùm lên.

C. Dùng quạt để làm tắt ngọn lửa. D. Không cần dùng biện pháp nào vì lửa sẽ tự tắt.

Câu 24: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

A. Đọc kĩ và thực hiện đúng nội quy thực hành.

B. Chỉ làm thí nghiệm khi có sự đồng ý của thầy cô giáo.

C. Mặc trang phục và đầu tóc gọn gàng.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 25: Vật liệu nào sau đây dẫn điện?

A. Cao su B. Nhựa C. Sắt D. Thủy tinh

*** Tự luận:**

Bài 1: Cho các dụng cụ sau: một sợi chỉ dài 50 cm; một chiếc thước kẻ có giới hạn đo 50cm; một cái địa tròn. Hãy tìm phương án đo chu vi của cái đĩa đó.

Bài 2: Các chất sau tồn tại ở thể nào ở điều kiện thường? Hãy liệt kê một số tính chất vật lí của các chất:

a. Muối ăn b. Nước

Bài 3: Giải thích tại sao các đầm nuôi tôm thường phải lắp đặt hệ thống quạt nước?

Bài 4: Giải thích tác dụng của các việc làm sau đây:

a) Chẻ nhỏ củi khi đun nấu.

b) Tạo các lỗ trong viên than tổ ong.

c) Quạt gió vào bếp lò khi nhóm lửa.

d) Đậy bớt cửa lò khi ủ bếp.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: CÔNG NGHỆ 6

I. PHẠM VI ÔN TẬP

1. Bài 1. Khái quát về nhà ở

2. Bài 2. Xây dựng nhà ở

3. Bài 3. Ngôi nhà thông minh

4. Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng

II. BÀI TẬP MINH HỌA

Câu 1. Nhà ở có vai trò vật chất vì:

A. Nhà ở là nơi để con người nghỉ ngơi, giúp bảo vệ con người trước tác động của thời tiết

B. Nhà ở là nơi để mọi người cùng nhau tạo niềm vui và cảm xúc tích cực

C. Nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác thân thuộc

D. Nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác riêng tư

Câu 2. Nhà ở có đặc điểm chung về:

A. kiến trúc và màu sắc

B. vật liệu và cấu tạo

C. cấu tạo và phân chia khu vực chức năng

D. kiến trúc và phân chia các khu vực chức năng

Câu 3. Nhà nổi thường có ở khu vực nào?

A. Tây Bắc

B. Tây Nguyên

C. Đồng bằng sông Cửu Long

D. Trung du Bắc Bộ

Câu 4. Kiểu nhà nào nào dưới đây thường được xây dưng trên các cột phía trên mặt đất?

A. Nhà chung cư

B. Nhà sàn

C. Nhà nông thôn truyền thống

D. Nhà mặt phố

Câu 5. Nhà ở bao gồm các phần chính sau:

A. móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.

B. sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

C. móng nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

D. móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

Câu 6. Nhà ở được phân chia thành các khu vực chức năng sinh hoạt như:

A. khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

B. khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

C. khu vực sinh hoạt chung, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

D. khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

Câu 7. Nhà nổi là kiểu nhà có thể:

A. di chuyển

B. cố định

C. không di chuyển

D. di chuyển hoặc cố định

Câu 8. Vì sao nhà nổi có thể nổi được trên mặt nước:

A. do có tường nhẹ

B. có hệ thống phao dưới sàn

C. mái nhà rất nhẹ

D. có sàn nhẹ

Câu 9. Kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam

A. Nhà ở nông thôn, nhà nổi

B. Nhà ở các khu vực đặc thù, nhà chung cư

C. Nhà ở nông thôn, nhà thành thị, nhà ở các khu vực đặc thù

D. Nhà mặt phố, nhà sàn

Câu 10. Nhà ở nông thôn có kiểu kiến trúc như thế nào?

A. Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt.

B. Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng

C. Nhà được xây dựng để phục vụ nhiều hộ gia đình

D. Có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi lên

Câu 11. Nhà ở mặt phố có kiểu kiến trúc như thế nào?
A. Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt.
B. Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng
C. Nhà được xây dựng để phục vụ nhiều hộ gia đình
D. Có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi lên
Câu 12. Nhà ở chung cư có kiểu kiến trúc như thế nào?
A. Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt.
B. Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng
C. Nhà được xây dựng để phục vụ nhiều hộ gia đình
D. Có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi lên
Câu 13. Có bao nhiêu bước chính trong xây dựng nhà ở?
A. 1 **C.** 3
B. 2 **D.** 4
Câu 14. Lựa chọn các vật liệu sau để hoàn thiện sơ đồ tạo ra vữa xây dựng

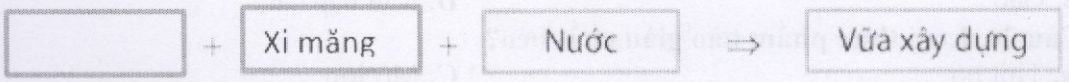

A. Đá nhỏ **C.** Thép
B. Gạch **D.** Cát
Câu 15. Lựa chọn các vật liệu sau để hoàn thiện sơ đồ tạo ra bê tông

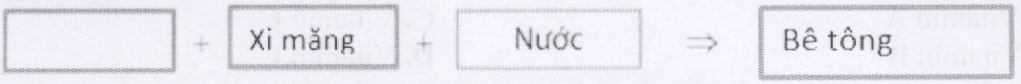

A. Đá nhỏ **C.** Thép
B. Gạch **D.** Cát
Câu 16. Ứng dụng chính của gạch, ngói trong xây dựng nhà ở:
A. Làm tường nhà, mái nhà. **C.** Kết hợp với xi măng tạo ra vữa xây dựng.
B. Làm nội thất. **D.** Kết hợp với đá tạo ra bê tông
Câu 17. Có bao nhiêu hệ thống điều khiển tự động trong ngôi nhà thông minh?
A. 3 **B.** 4 **C.** 5 **D.** 6
Câu 18. Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển từ xa bởi các thiết bị như:
A. Điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối in-tơ-net.
B. Điện thoại, máy tính bảng không có kết nối in-tơ-net.
C. Điều khiển, máy tính không có kết nối in-tơ-net.
D. Điện thoại đời cũ, máy tính bảng có kết nối in-tơ-net.
Câu 19 . Hệ thống, thiết bị thông minh trong ngôi nhà có thể hoạt động dựa trên
A. thói quen của con người. **C.** yêu quý của con người.
B. sở thích của con người. **D.** quý mến của con người
Câu 20. Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như:
A. Có người lạ đột nhập, quên đóng cửa.
B. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra.
C. Quên đóng cửa, có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
D. Có nguy cơ cháy nổ xảy ra, có người lạ đột nhập xảy ra.
Câu 21. Các hình thức cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn như:
A. chuông báo, tin nhắn, đèn báo.
B. chuông báo, tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà
C. tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà

D. chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà

Câu 22. Ngôi nhà thông minh có các đặc điểm nào?

A. An ninh, an toàn, tiết kiệm năng lượng

B. Tiện ích, an ninh, an toàn, tiết kiệm năng lượng

C. Tiện kiệm năng lượng, an ninh, an toàn

D. Tiện ích, tiết kiệm năng lượng

Câu 23. Máy thu hình tự động mở kênh truyền hình yêu thích, là hệ thống điều khiển nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Nhóm hệ thống camera giám sát an ninh

B. Nhóm hệ thống chiếu sáng thông minh

C. Nhóm hệ thống giải trí thông minh

D. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn

Câu 24. Người đi tới đâu, hệ thống đèn tương ứng tự đông bật để chiếu sáng, là hệ thống điều khiển nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Nhóm hệ thống camera giám sát an ninh

B. Nhóm hệ thống chiếu sáng thông minh

C. Nhóm hệ thống giải trí thông minh

D. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn

Câu 25. Loại thực phẩm nào cung cấp nhiều chất đạm?

A. Thịt bò

B. Gạo

C. Mỡ lợn

D. Rau bắp cải

Câu 26. Loại thực phẩm nào giàu chất béo?

A. Thịt bò

B. Gạo

C. Mỡ lợn

D. Rau bắp cải

Câu 27. Trứng, cà rốt, dầu cá là thực phẩm giàu:

A. Vitamin A

B. Vitamin B

C. Vitamin C

D. Vitamin E

Câu 28. Các loại hoa quả có múi, có vị chua như cam, bưởi, chanh... cung cấp:

A. Vitamin A

B. Vitamin B

C. Vitamin C

D. Vitamin E

Câu 29. ..... là thành phần dinh dưỡng để cấu trúc cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt. Chọn nhóm thực phẩm thích hợp điền vào chỗ trống.

A. Chất béo

B. Chất khoáng

C. Vitamin

D. Chất đạm

Câu 30. Ngũ cốc, bánh mì, khoai sữa là nguồn cung cấp:

A. Chất béo

B. Chất khoáng

C. Chất tinh bột, chất đường

D. Chất đạm

REVISION FOR THE FIRST MID-TERM TEST ENGLISH 6

A. VOCABULARY AND GRAMMAR

- Present Simple
- Present Continuous
- Wh- questions
- Possessive pronouns
- Like + Ving
- "And" & "or"
- Vocabulary: Unit 1, 2, 3

B. EXERCISES

I. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

1. A. gym	B. sky	C. balcony	D. laundry
2. A. island	B. seafood	C. serve	D. summer
3. A. information	B. population	C. question	D. transportation
2. A. mystery	B. fantasy	C. music	D. sign
5. A. adventure	B. math	C. capital	D. activity

II. *Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that which does not belong to each group.*

1. A. secret	B. Scary	C. event	D. outdoor
2. A. novel	B. decide	C. Author	D. science
3. A. classroom	B. noticeboard	C. chalk	D. fridge
4. A. librarian	B. library	C. classmate	D. teacher
5. A. music	B. physics	C. biology	D. teacher

III. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions.

1. The teachers are very **kind** to students and they enjoy teaching very much.

A. nice B. beautiful C. pretty D. easy

2. I **study** in that class with forty-five other students.

A. sing B. learn C. write D. speak

3. There are 30 children in his class, and it's **difficult** for the teacher to teach all of them.

A. hard B. simple C. early D. easy

4. Do you like **learning** English?

A. singing B. studying C. writing D. speaking

5. An's bedroom is big but **messy**.

A. uncomfortable B. comfortable C. tidy D. untidy

IV. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word in each of the following questions.

1. I like to learn English because it is exciting and **interesting**.

A. fantastic B. boring C. awesome D. thrilling

2. Lan doesn't **like** going swimming or playing tennis.

A. love B. enjoy C. hate D. fancy

3. Everyday, he comes to school very early to **open** all the windows and clean the blackboard.

A. close B. start C. clean D. learn

4. Hoa goes to the **same** school as me.

A. different B. similar C. alike D. equal

5. There is a **modern** fridge in the kitchen.

A. old B. new C. big D. strange

V. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

1. I often gets up early to catch the bus to go to work.

A. gets B. early C. catch D. go to

2. She teach students in a local secondary school.

A. teach B.in C. local D. school

3. They don't own a house. They still has to rent one to live.

A. don't B.house C. has D. to live

4. There's a science club. Does you like science?

A. A B. club C. Does D. like

5. Volleyball and table tennis are indoor activities.

A. and B. tennis C. are D. indoor activities

VI. Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. I like _____ because I like reading stories.

A. literature B. math C. physics D. biology

2. I like to learn about plants and how they grow. I like _____.

A. I.T B. biology C. history D. math

3. Nguyen Nhat Anh is the _____ of several story books for teenagers such as *Yellow Flowers on the Green Grass*.

A. actor B. character C. author D. maker

4. They _____ agree with my opinion.

A. are B. don't C. aren't D. do

5. Kathy usually _____ in front of the window during the class.

A. sits B. sitting C. sit D. is sit

6. *Harry Potter* is a series of seven _____ novels by J. K. Rowling, a British author.

A. adventure B. magic C. secret D. fantasy

7. Jane _____ tea very often.

A. doesn't drink B. drink C. is drink D. isn't drink

8. Is that blue bag yours, Mike? – No, it isn't. _____ is brown. (I)

A. Mine B. Yours C. My D. Your

9. What is your _____ subject at school?

A. interest B. favorite C. liking D. favorites

10. I _____ a compass and a calculator in Maths lesson.

A. am use B. use C. aren't use D. doesn't use

11. I think the book _____ very exciting.

A. is B. are C. be D. doesn't

12. I like _____. I want to sign up for a dance class.

A. danceing B. dancing C. aren't danceing D. doesn't dance

13. Andrew has just started evening classes. He_____ German.

A. are learning B. is learning C. am learning D. learning

14. What's your favorite subject? _____ is biology.

A.My B. Your C. Yours D. Mine

15. My hometown is _____ for its big buildings and beautiful parks.

A. fame B. famous C. faming D. famed

16. Lots of people visit Can Tho to see its _____ markets and beautiful rivers.

A. floating B. floats C. float D. floated

17. A village _____ in the countryside and usually _____ a few houses.

A. is – have B. is – having C. is – has D. are – has

18. _____ is the weather like in your country in summer?

A. How B. Which C. What D. Where

19. The living room in my house_____ big.

A. have B. has C. is D. are

20. There _____ a table, a sofa and a TV.

A. have B. has C. is D. are

VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

My dream school is a quiet school (1) _____ we have just two or three hours a day, in the morning. Then, inthe afternoon, we can do many (2) _____ like singing,dancing, playing soccer, basketball, rugby. We won't havetests and mark either. The teachers will not (3) _____ homework, so we can do whatever we want after school. In my dream school, we can also choose the (4) _____ we want: for example, you're not going to learn mathematics or physics if you hate them. So it's a free school where you can learn with calm and serenity and you can make (5) _____ of friends during afternoon activities!

1. A. what B. where C. when D. how

2. A. subjects B. actions C. activities D. acts

3. A. give B. take C. do D. get

4. A. class B. classrooms C. classmates D. classes

5. A. a lot B. lot D. many D. much

VIII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

My name is Quang. I am in class 6A at Tam Dao secondary School. It is a small school on Tam Dao street. My classroom is on the second floor. There are 40 students

in my class. My form teacher is Miss Lan. She teaches us English. All of my classmates are really kind and hard-working. We always finish all homework at home. Every day, we start classes at seven o'clock and have a 20-minute break at twenty-five to nine. My school has a small schoolyard so the students usually stay in class or sit in the canteen at break time. After that, we are back to our room and finish class at half past eleven.

1. Which floor is Quang's classroom on?

A. The first floor B. The second floor

C. The third floor D. The fourth floor

2. What subject does Quang's form teacher teach?

A. English B. Literature C. Math D. Science

3. Which of the following is not true according to the passage?

A. Quang is in grade 6. B. Quang's classmates are all nice.

C. Quang's school is big. D. There are 40 students in Quang's class.

4. What time does Quang have break time?

A. At 8:30 B. At 8:35 C. At 8:20 D. At 8:10

IX. WRITING

A. Put the words in the correct order to make correct sentences.

1. Our/ short/ has/ hair/ is/ brown/ teacher/ and/ long/. →

2. wearing/ She/ blue T-shirt/ is/ jeans/ a/ and/. →

B. Make a question for each underlined part.

3. My brother is tall and slim. →

4. Sarah is smart and very kind. →

5. Sammy is wearing a pink skirt and white shoes today. →

C. Use the given words/phrases to make complete sentences.

6. It/ sunny/ so/ let's/ go/ the mall/. →

7. We/ have/ picnic/ the park/ Sunday morning/. →

8. Michael/ watch/ movie/ home/ tonight/? →

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6

*** Nội dung ôn tập:** Chạy ngắn

*** Yêu cầu cần đạt:**

- Mức ĐẠT: Thực hiện được các động tác bổ trợ của chạy ngắn; Học sinh nêu được các giai đoạn trong kỹ thuật chạy ngắn.
- Mức CHƯA ĐẠT: Không thực hiện được các động tác bổ trợ của chạy, học sinh nêu sai hoặc thiếu từ 2 giai đoạn của kỹ thuật chạy ngắn trở lên.

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: NGHỆ THUẬT 6

A. NỘI DUNG ÂM NHẠC:

I. Yêu cầu cần đạt:

- Hát to, rõ lời, thể hiện tình cảm.
- Có động tác phụ hoạ, biết gõ đệm.
- Đọc đúng cao độ, trường độ bài tập đọc nhạc.
- Hát rõ lời ca bài tập đọc nhạc.

II. Nội dung ôn tập:

1. Hát: Em yêu giờ học hát
2. Hát: Lý cây đa
3. Tập đọc nhạc số 1

B. NỘI DUNG MỸ THUẬT:

HS ôn tập các thể loại tranh theo đề tài.

- Tranh đề tài phong cảnh
- Tranh đề tài học tập
- Bưu thiếp chức mừng
- Tranh tĩnh vật
- Vẽ trang trí
- Tranh vẽ chân dung
- Tranh đề tài Lễ hội